TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 30-01-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 699/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 726/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số 22/1A, đường số 99, tổ 09, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Xuân B, sinh năm: 1974; địa chỉ thường trú: Số 105/28 Khu phố 6, phường T A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 22/1A, đường số 99, tổ 09, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh *(Văn bản ủy quyền số công chứng: 013171, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/4/2022 tại Văn phòng Công chứng Dương Thái Hoàng)* (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 103 Đường Nguyễn Thị T, Tổ 7, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Xuân B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên bà Nguyễn Thị L có hỏi mượn của bà Lê Thị Q số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và bà L có đưa cho bà Q giữ sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội mã khách hàng: 7091168763 của bà Nguyễn Thị L đứng tên.

Nhiều lần bà Q yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền trên nhưng bà L trốn tránh và hẹn lần này đến lần khác nhưng bà L cố tình không thực hiện.

Nay bà Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L trả lại số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của bà Q có Đơn rút yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị L đối với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Ông B xác định bà Q chỉ khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền mượn 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy nhận nợ, sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội mã khách hàng: 7091168763 của bà Nguyễn Thị L đứng tên người vay (bản đối chiếu bản chính), Đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đơn xin vắng mặt, phiếu báo phát, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 133 ngày 19/4/2022 (bản chính).

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 11 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà với bà Lê Thị Q là chị em bạn ngoài xã hội. Bà thừa nhận từ năm 2017, có vay mượn tiền của bà Q nhiều lần không rõ thời gian và số tiền cụ thể. Lần đầu vào năm 2017, vay với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng, thời hạn vay 03 năm từ năm 2017 đến năm 2020. Tổng số tiền tính đến ngày 18/11/2022, bà vay bà Q nhiều lần với số tiền là 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng). Cụ thể: Góp tháng vay số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng); góp ngày vay số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) mỗi ngày góp số tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng); góp ngày vay số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) mỗi ngày góp số tiền là 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Bà đã giao cho bà Q giữ sổ hộ khẩu của bà để làm tin đảm bảo cho việc vay nợ. Từ năm 2017 đến năm 2020, bà đã trả cho bà Q số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng không lập biên bản giao trả tiền cho bà Q. Đến ngày 18/11/2022, bà xác nhận còn thiếu bà Q với tổng cộng số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q yêu cầu bà trả số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thì bà đồng ý trả cho bà Q tổng cộng số tiền là 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) và đề nghị cho bà trả góp số tiền trên mỗi ngày là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đến khi bà trả hết số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn xin vắng mặt ngày 18/11/2022 (bản chính).

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo Kết quả phiên họp. Đến ngày 18/11/2022, bà L có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 430, 440, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối

với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Việc tống đạt, xét xử vắng mặt:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Xuân B có Đơn xin vắng mặt ngày 28/12/2022 và bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt ngày 18/11/2022; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở để tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng)

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm quy định của pháp luật và hoàn toàn có lợi cho bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

[2.2] Đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của bà Lê Thị Q.

Xét thấy, việc bà Lê Thị Q có cho bà Nguyễn Thị L vay tổng số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) là có thật. Bởi lẽ, bà L đã thừa nhận từ năm 2017, bà L có vay mượn tiền của bà Q nhiều lần không rõ thời gian và số tiền cụ thể. Đến ngày 18/11/2022, bà L xác nhận còn thiếu nợ bà Quí với tổng cộng số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 11 năm 2022 (bút lục số 39) có trong hồ sơ vụ án. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Lê Thị Q khởi kiện bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Do bà L đã nợ số tiền vay trên nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2022 (bút lục số 39), bà Nguyễn Thị L khai: Bà có thời gian đóng lãi và giao cho bà Q giữ sổ hộ khẩu của bà để

làm tin bảo đảm việc vay nợ nhưng bà Q không thừa nhận bà L có thời gian đóng lãi và bà Q chỉ thừa nhận giữ sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội mã khách hàng: 7091168763 của bà Nguyễn Thị L đứng tên; ngoài ra, bà L không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã triệu tập bà L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải nhiều lần nhưng vào ngày 18/11/2022, bà Nguyễn Thị L có Đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và chứng cứ mà Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bà L.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bà L phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[2.3] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn: Khi bà L trả hết số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) thì bà Q sẽ trả sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội mã khách hàng: 7091168763 của bà Nguyễn Thị L đứng tên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 2.150.000đồng (giá trị tài sản có tranh chấp: 43.000.000đ x 5% = 2.150.000đ) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Lê Thị Q, sinh năm 1956 thuộc trường hợp miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Q số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lê Thị Q sẽ trả lại sổ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội mã khách hàng: 7091168763 cho bà Nguyễn Thị L ngay sau khi bà Nguyễn Thị L trả hết số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng).

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 2.150.000.đ (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu nộp.

- Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Anh Đạt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Đạt